

Chữ nghĩa làng văn

"Chữ nghĩa làng văn" đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, điển nghĩa, điển giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tụy như bắt như vô thụ. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra "sai" hay "đúng", vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Văn học miền Nam nhìn từ miền Bắc

Ta thấy hình ta những miếu đền là một bài thơ của Mai Thảo. Thần tình của bài thơ là hai từ "sao không" được lặp lại trong suốt các khổ của bài thơ. *Sao không* là sự rút gọn *khẩu ngữ* của mệnh đề-phó từ "sao chẳng không là vậy".

Mệnh đề-phó từ này được rút gọn thành phó từ *sao không*, trở nên *gọn nhẹ*, lại có hơi hướng *khẩu ngữ*, lại xen vào liên tiếp như là *câu hỏi...*, tất cả làm cho toàn bộ bài thơ hoạt hẳn lên.

Sao không vừa là câu hỏi, vừa là tâm thế xác quyết, một cách xác quyết thi sĩ, không giáo điều, không áp đặt. Phó từ *sao không* được sáng tạo, đưa vào thơ, lần đầu tiên xuất hiện trong bài *Ta thấy hình ta những miếu đền* của Mai Thảo. Đọc văn học Việt Nam hải ngoại tôi gặp những từ được sử dụng rộng rãi nhưng trong văn học trong nước, nhất là văn học miền Bắc hầu như không thấy dùng, mà những từ này tuy lạ nhưng có thể đoán ra nghĩa và thấy hay hay.

Trong *Đại từ điển tiếng Việt*, từ *lý* chỉ được tường giải như là danh từ. Trong truyện *Auld Lang Syne* của Song Thao, từ *lý* được dùng hai lần như là động từ:

Công việc của họ quá bận rộn, tiền vô như nước, họ đâu có *lý* tới cái hăng lộn xộn nhếch nhác của ông bố.

Lý gì tới tôi, bà ơi! Dù có cả một hồ nước mắt, tôi cũng chẳng phí phạm một giọt cho những mắt mắt của một anh già chẳng ăn nhậu gì tới tôi cả... (tr. 75)

Trong *Đại từ điển tiếng Việt* từ *khơi khơi* chỉ được tường giải hai nghĩa. Trong *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác, từ này được sử dụng vài chục lần, ít ra với năm nghĩa khác nhau. Một sự nghiên cứu đầy đủ từ vựng trong ngôn ngữ văn học Việt Nam hải ngoại chắc chắn sẽ đem lại những sự bổ sung quan trọng cho các bộ từ điển tiếng Việt.

(Hoàng Ngọc Hiến – Đọc văn học Việt Nam hải ngoại)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

- Thà nhịn đói chứ không nhịn nói.

Thơ Bút Tre và Hồ Xuân Hương

Chưa đi chưa biết Sài Gòn
Đi rồi mới biết chẳng còn một xu
Về nhà mới biết là ngu
Mồm tiêu thì ít thẳng cu tiêu nhiều.

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam



Thuyết dưới đây được Petrus Trương Vĩnh Ký đưa ra dựa theo sự "nghe nói" như sau: "Sài là mượn tiếng viết theo chữ Hán có nghĩa là củi gỗ; Gòn là tiếng Nam chỉ bông gòn. Người ta nói rằng tên đó phát sinh bởi sự kiện nhiều cây bông gòn do người Cao Miên đã trồng chung quanh đồn đất xưa của họ, mà dấu vết nay vẫn còn ở chùa Cây Mai và các vùng lân cận".

(Pétru-Trương Vĩnh Ký - *Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs*, trong *Excursions et Reconnaissance X. Saigon*, Imprimerie Coloniale 1885).

Không biết tại sao mà sau này Louis Malleret và Vương Hồng Sển lại quả quyết thuyết này là "của" Trương Vĩnh Ký, mặc dù ngay sau đoạn này, Trương Vĩnh Ký lại viết tiếp: "Theo ý tôi, hình như tên đó là của người Cao Miên đặt cho xứ này, rồi sau đem làm tên gọi thành phố. Tôi chưa tìm ra được nguồn gốc đích thực của tên đó". Tương tự, có nhiều thuyết phụ theo nói rằng Sài Gòn từ "Cây Gòn" (Kai Gon) hay "Rừng Gòn"

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Truyện cực ngắn - Thời

Cải cách ruộng đất. Quy thành phần, bố tôi là địa chủ! Tất cả nhà cửa, ruộng nương bị tịch thu chia cho tá điền.

50 năm sau

Khu ruộng của bố tôi ngày xưa hoá thành trang trại. Những hộ nhận khoán sản cho Hợp tác xã (trong đó có tôi) được ông chủ mới đền bù tính theo đầu sào một khoản tiền mang tính tượng trưng! Không ruộng, không biết nghề gì ngoài nghề nông, tôi thành tá điền!

Bố tôi và tôi đều không thức thời! Bố tôi là địa chủ hơi sớm! Còn tôi, ngược lại... tôi là tá điền hơi muộn!

Câu đố tình tự II

Từ khi thiếp tới cửa chàng
Cớ sao chàng để nằm ngang chàng dùi
Buông ra cho thiếp kêu trời
Kẻo rồi lại có kẻ cười người chê

Truyện và thơ

Truyện là sản phẩm tưởng tượng, hay nói cách khác văn là hư cấu, thì thơ là tình thật. Nhân vật trong tiểu thuyết là người ta, nhân vật trong thơ là ta – chính ta. Viết cho cái ta khó lắm, trừ phi ta tha hóa, coi ta là người khác, làm thơ tươi sươi như phạt cỏ vét bùn, tát nước sang ao. Làm thơ theo tôi (Viên Linh) là cách viết nhật ký, song không viết cho mình hôm nay, mà viết cho mình ở đâu đó, có khi là ở mãi tận mai sau.

Viết truyện là dựng nên, hay vẽ ra, những nhân vật điển hình của một xã hội, làm thơ là đào sâu chôn chặt chính mình vào trong lòng mộ, có thể là một ngôi mộ tâm linh mà thôi. Mà

đường đời thì rải rác những ngôi mộ hoang, những mồ vô chủ. Thơ ta mà có người hương lửa thì ta không mong gì hơn.

(Viên Linh – Văn chương tôi không phục vụ niềm vui)

Câu đố tình tự II

- Cái điều

Sáng tác khó hay phê bình khó?

Người ta thường nói sáng tác thì khó, phê bình thì dễ. Tôi không nghĩ thế. Viết dở thì sáng tác hay phê bình đều dễ cả. Nhưng viết cho hay thì phê bình không dễ lắm đâu. Sáng tác chỉ cần có năng khiếu, có trải nghiệm và cảm hứng.

Bởi vì một nhà phê bình phải có cùng một lúc hai năng lực. Một là phải có khả năng phản ứng nhạy bén với cái đẹp về tình cảm, cảm xúc thẩm mỹ. Đây là chuyện năng khiếu. Hai là phải có trình độ văn hoá cao, tư duy lôgic tốt. Vì phê bình phải làm hai nhiệm vụ: một là phát hiện và diễn tả những khái niệm, những phạm trù, những quy luật, một yêu cầu của khoa học; hai là phải cảm nhận được và chuyển tải được tình cảm, cảm xúc thẩm mỹ chứa đựng trong văn thơ.

Ngoài ra nhà phê bình phải đọc nhiều văn chương Đông Tây Kim cổ để so sánh đối chiếu, và để thực sự hiểu được văn thơ. Xuân Diệu nói, thơ là gì rất khó định nghĩa được thấu đáo, cứ phải đọc nhiều thơ hay thì mới hiểu được. Cho nên Kim Lân, Nguyễn Hồng, Vũ Trọng Phụng, Tô Hoài, Anh Thơ, Trần Đăng Khoa có thể sáng tác tốt tuy chỉ học hết cấp một. Nhưng phê bình thì phải là Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, đây là chỉ nói các nhà sáng tác...viết phê bình.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Tục ngữ Ta và Tàu

Nhân nghĩa bà Tú Để

Nễ bất khả sát kê vấn khách

(Đừng bao giờ hỏi khách nên mổ gà đánh chén chẳng)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Địa danh miền Nam trong văn học sử

Lịch sử chứng minh rằng Saigon có trước, rồi người Tàu mới đọc theo và đọc trại ra thành Thầy Ngòn, Xi Coon.

Vì theo Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn viết năm 1776, năm 1674 Thống Suất Nguyễn Dương Lâm vâng lệnh chúa Nguyễn đánh Cao Miên và phá vỡ "Luỹ Sài Gòn". Đây là lần đầu tiên chữ Sài Gòn xuất hiện trong tài liệu sử sách Việt Nam.

Theo Hán-Việt viết là "Sài Côn", vì thiếu chữ viết nên chữ Hán "Côn" được dùng thế cho "Gòn". Nếu đọc theo Nôm là "Gòn", còn không biết đó là Nôm mà đọc theo chữ Hán thì là "Côn".

Như vậy, ngay từ năm 1674 đã có địa danh Saigon! Thì làm gì phải đợi đến 1778 khi người Tàu ở Cù Lao Phố bị Tây Sơn tiêu diệt rồi chạy xuống lập nên Thầy Ngòn tức Đề Ngạn, hay Xi Coon tức Tây Cống (dựa theo Vương Hồng Sển và Thái Văn Kiểm).

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Tận tìn thư bất như vô thư

Hôm nghe bố giảng *Tận tìn thư bất như vô thư* xong, tôi (Nguyễn Dư) nghịch ngợm hỏi : "Tại sao bây giờ bố không viết?" – "Viết cái gì cơ chứ?". Thôi đừng nói chuyện vớ vẩn nữa. Mà phải bớt lêu lổng, chịu khó học hành. May ra sẽ khá. Nhưng tôi không gặp may. Mấy kì thi lần nào cũng chỉ trông mong vào môn toán để bù cho văn chương triết lí. Vốn liếng văn chương của người khác thì phải lấy bò, lấy va li mà chứa mới xuể. Còn vốn của tôi thì chắc chắn không cần đến cái chai bia 33 để đựng. Ngay cả bao thuốc lá Cotab cũng chưa chắc đã được lưng lưng.

Trớ trêu thay, đến khi trên đầu lóm đóm hai thứ tóc, rồi tóc bắt đầu rụng dần, thì tôi trở chứng. Thấy xung quanh xì xào chuyện sách vở chữ nghĩa, tôi tò mò...bất chước. Bây giờ đọc để biết chuyện trên trời dưới đất. Nói một cách trang trọng là đọc để mở rộng kiến thức. Khiêm tốn thì nói là đọc để cho bớt ngu.

Được tí nào hay tí ấy. Muộn còn hơn không ! Đọc sách để mỉm cười ngắm cái " lá diêu bông " của Hoàng Cầm đã được một nhà khoa học trong nước lặn lội tìm ra được?! Không ngờ đọc sách lại thú vị như vậy. Học được nhiều điều hay, lắm điều lạ. Bớt cả tin, bớt thành kiến. Càng đọc càng thấy phải đọc thêm. Đọc sách để biết *Nói có sách, mách có chứng!*

Đồng thời để hiểu rằng *Tận tìn thư bất như vô thư* !

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật có khi "rầu thú vị ruột":

"Thác ba năm thịt đã thành bùn
Đầu thai con chim nhận đậu nhánh tùng chờ em"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Cảnh báo - "cảnh báo" và "báo động" được dùng ở cả hai miền.

Thí dụ Miền Nam: Việt-Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ viết: "Cảnh báo" : signaler, avertir. Tân Đại Tự điển Việt Anh Nguyễn Văn Tạo: "Cảnh báo: alarm." Chính xác hơn, cảnh báo là báo trước nguy cơ có thể tới để đề phòng; báo động là báo khi nguy cơ bắt đầu xảy ra để tránh thoát,

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

Tứ hỉ

Tứ hỉ phát xuất từ quan niệm của người Trung Hoa, cho rằng trong đời người, có 4 điều tốt lành mà ai cũng đáng vui mừng:

Cửu hạn phùng cam vũ
Tha hương ngộ cố tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bảng quải danh thì.

Có nghĩa là:

Hạn hán lâu ngày nay có mưa

Nơi xứ lạ quê người gặp được bạn cũ
Đêm động phòng hoa chúc của vợ chồng mới cưới
Lúc thi đỗ bằng vàng.

(Khải Nguyên - Giải nghĩa thành ngữ dân gian)

Câu đối thọ nhuộm

"Xuất đối dị, dị đối nan" hiểu theo nghĩa là *"ra đối dễ, đối lại khó"*. Tuy nhiên một đôi khi lại ngược lại "xuất đối dị, dị đối...dị" như vợ khóc chồng là thọ nhuộm:

*Thiếp từ khi lá thắm duyên xe, khi vận tía, lúc cơn đen, điều dại điều khôn nhờ bố đỏ
Chàng ở tuổi vàng có biết, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh*

Câu phúng trên do cụ Nguyễn Khuyến viết cho chị hàng xóm khóc chồng, có đủ màu sắc của nhà thọ nhuộm:

thắm, tía, đen, điều, đỏ, vàng, hồng, trắng, tím, xanh...

(Nguyễn Kiến Thiết – báo Thời Báo)

Tiếng Việt vừa dễ vừa khó

Xin hỏi các huynh làm ơn cho hỏi: Chữ "cù lần".
Cù có phải là "cần cù". Nhưng mà "lần" là nghĩa lý gì? Cám ơn.

Đáp: *Cù lần* là tên gọi một con vật, in như là bà con để ngược với sóc, sóc chuyền cành cây vèo vèo; còn "cù lần" thì lười biếng tận mạng, chỉ đeo tòng teng một chỗ hồng thềm nhúc nhích. Có dậy mà hông hay: Sao cha cù lần vậy cha!

(Trau dồi tiếng Việt - DatViet.com)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Phía đông Saigon có một cái kênh gọi là rạch Thị Nghè hay là rạch Bà Nghè. Bà tên là Nguyễn Thị Canh, con gái thống suất Nguyễn Cửu Văn, đẹp duyên với một ông nghè. Để cho chồng bà tiện đường qua rạch hàng ngày vào làm trong thành, bà cho dựng một chiếc cầu mà dân sự có thể dùng được. Để tỏ lòng nhớ ơn một bậc nữ lưu, họ đã gọi cầu ấy là cầu Bà Nghè.

Trên rạch Bến Nghé hồi xưa có nhiều chiếc cầu ván dựng tạm cho người qua lại. Chiếc cầu nổi tiếng hơn cả là cầu Ông Lãnh, được xây nhờ công ông Lãnh binh, thời tả quân Lê Văn Duyệt. Còn những chiếc cầu khác là Cầu Muối, Cầu Khóm (thơm), Cầu Kho và Cầu học (giếng học).

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Chữ nghĩa làng văn

Câu "Thi trung hữu quý" là của cụ Nguyễn Du?

Văn học miền Nam nhìn từ miền Bắc

Những ấn tượng về sự đa dạng phong cách trong văn học Việt Nam hải ngoại để lại ở người viết bài tiểu luận này. Cùng viết về nông thôn miền Nam, Hồ Trường An thiên về miêu tả phong tục: cách cạo gió, ngày hội kỳ hương, cách chải tóc ba bầy rồi búi lại, lối chửi bới có vần có điệu "giòn hơn bánh trắng, trơn hơn mỡ"... còn trong tác phẩm của Kiệt Tấn mỗi quan tâm hàng đầu là mở ra kho tàng vô giá đạo đức và văn hoá truyền thống trong tấm lòng những người dân thường thôn dã.

Ánh sáng và bóng tối của Hoàng Liên và *Đại học máu* của Hà Thúc Sinh đều là hồi ký về trại cải tạo, trong tác phẩm của Hoàng Liên, dòng hồi tưởng lúc nào cũng như lúc nào điềm tĩnh và từ tốn, còn trong tác phẩm của Hà Thúc Sinh giọng văn thường sôi nổi, có khi quyết liệt. *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác và *Gió lửa* của Nam Dao là hai tác phẩm gần gũi về thể loại (tiểu thuyết lịch sử) và đề tài (thời đại Quang Trung) nhưng rất khác về phong cách. Chỉ nói riêng một điểm: trong *Sông Côn mùa lũ*, "nghị luận" (còn gọi là "yếu tố chính luận") chỉ là nửa trang hay nhiều lắm là một trang xen vào truyện; trong *Gió lửa* "nghị luận" tham gia tích cực vào sự hình thành nội dung và cốt truyện...

(Hoàng Ngọc Hiến – Đọc văn học Việt Nam hải ngoại)

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Chợ tình

Chợ tình Sài Gòn: Anh hai có xài em hông

Chợ tình Hà Nội: Chơi gái không đại ca

Đất Sài Gòn

Từ năm 1784, theo hải hành đồ của các thương thuyền người phương Tây, với chữ La tinh đã ghi tên vùng Chợ Lớn (cũ) là *Saigon*.

Theo Trịnh Hoài Đức, dựa trên bản đồ do ông Trần Văn Học vẽ ngày mùng 4 tháng chạp năm Gia Long thứ 14 (1815). Bản đồ ghi trên vùng nhà thương Chợ Rẫy hiện tại ba chữ: *Sài Gòn xứ*. Chỗ này chính là Chợ Lớn (cũ).

Sau này *Sài Gòn xứ* rời lên khu cao hơn ở phía Đồn Đất (nay là nhà thương Grall) vào năm 1836.

(Hồ Đình Vũ – *Nguồn gốc một số địa danh miền Nam*)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Gió đưa bụi chuối sau hè

Giỡn chơi chút xíu ai dè...có con

Văn hóa mới

Sau năm 75, câu "Tiên học lễ hậu học văn" trong các trường đều bị gỡ bỏ, thay vào bằng câu "Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người".

- Về cú pháp, nếu mệnh trước có chữ "vì" thì câu sau phải có chữ "nên", hay "phải" để bổ túc cho mệnh đề trước.

- Ngoài ra câu què quặt trên, họ mượn của Tàu: "Bách niên chi kế bất như thụ cốc – Thập niên chi kế bất như thụ mộc - "Bách niên chi kế bất như thụ nhân".

(Nguyễn Thanh Ty – báo Sài Gòn Nhỏ)

Câu đố tình tự III

Hai nắm lấy khư khư

Bụng thì bảo dạ, rằng ư đút vào

Đút vào nó sướng làm sao

Dập lên dập xuống nó trào nước ra

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật như không cười được người mình yêu, không biết trút giận vào đâu, bèn đổ lỗi cho một nhân vật tưởng tượng:

"Quất ông tơ cái trót

Ông nhảy tót lên ngọn cây bần

Biểu ông se mối chỉ năm bảy lần, ông hồng se"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Câu đố tình tự III

- Ăn mía

Chữ và nghĩa: Sài Gòn

Vườn ông Thượng (vườn Bờ-rô hay Tao Đàn): Hoa viên của Tổng Trấn Lê Văn Duyệt.

Cầu Hoa (cầu Ông): Tên từ vườn hoa riêng của Tổng Trấn Lê Văn Duyệt ở gần đây.

(Hồ Đình Vũ – Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Diễn giảng

Rất tiếc, không ít người đem cả thói quen diễn giảng ấy vào văn chương. Trong bài viết của họ, mỗi câu văn phải công trên lưng nó năm bảy câu giải thích. Chuyện mới, giải thích đã đành. Ngay cả những chuyện xưa như trái đất cũng vẫn giải thích. Lặp lại những kiến thức sơ đẳng và cũ rích, cách viết như thế là một sự xúc phạm đến sự hiểu biết của người đọc. Giọng văn làm nhàm và làm nhảm, cách viết như thế là một sự xúc phạm đến tính chất thẩm mỹ của văn chương.

(Nguyễn Hưng Quốc – Nhà văn...không là ai)

Giọng Sài Gòn I

Qua một bài viết của Sơn Nam về Sài Gòn – Gia Định:

Giọng Sài Gòn, cũng như và con người Sài Gòn là sự pha trộn của nhiều nơi. Đó là người Chăm bản địa, những người Minh Hương và những người miền Trung đến đất Gia Định.

Từ đó hình thành một ngôn ngữ vừa bản địa, vừa vay mượn của những người đi mở đất khai hoang.

(Người Sài Gòn – báo Sài Gòn nhỏ)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Tên cầu, tên rạch nào đó có từ Bà rất nhiều. Như: rạch Bà Bướm (có tên từ 1902), Bà Cả Bảy, Bà Hom, Bà Tàng, Bà Tà, Bà Lài, Bà Hồng, Bà Lát, Bà Nghiêm, Bà Chủ, Bà Tàng, Bà Thiên, Bà Tiếng, Bà Xếp, Bà Khắc (chiếc cầu xưa ở vùng Cầu Kho), Bà Ký, Bà Lài, Bà Chiêu, Bà Điểm (là tên một bà chủ quán nước chè vùng Hóc Môn) Bà Đô, Bà Thương, Bà Nhuận, v...v...

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Bà mụ

Bà Hồ Xuân Hương có câu thơ: "*Mười hai bà mụ ghét chi nhau – Đem cái xuân tình vứt bỏ đầu*".

Bà mụ, trong tiếng Việt có nhiều nghĩa, một loại bướm nhỏ, ít bay, thường bò đôi một trên cây. Bà mụ, ấu trùng của giống chuồn chuồn. Bà mụ, là người đàn bà đờ đờ.

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Chợ tình, khi bạn vừa thanh toán xong tiền cho cave...

Cave Sài Gòn: "Em bớt anh 10 ngàn, lần sau nhớ kiu em nha..."

Cave Hà Nội: "Cho em xin thêm 10 nghìn để còn đi xe ôm về?"

Văn hóa cà phê

Dân Sài Gòn bây giờ gọi những hình thức khác nhau của những quán cà phê là "phong cách". Phong cách càng lạ, càng sang trọng, càng thu hút khách. Vẫn còn những quán cà phê vỉa hè, nhưng "phong cách nghèo nàn, bình dân" ấy không phải là đầu đề để dân sành điệu cà phê Sài Gòn chuyện trò bù khú. Phải là quán

cà phê Panorama tọa lạc ở tầng thứ 33, tầng cao nhất, của Sài Gòn Center. Người ta đến đây không phải để uống cà phê, mà là để mua chỗ ngồi ngắm thành phố từ trên cao chót vót. Hay cà phê Skyview tại tầng thứ 13 của Diamond Plaza (khu gần Vương Cung Thánh Đường), nơi dành cho những vị khách chuộng không gian lịch sự, lộng lẫy. Hoặc cà phê Highlands dưới chân tòa nhà Metropolitan ở đường Tự Do. Chỉ cần ngồi ở đây một hai tiếng đồng hồ, người ta có thể bắt đúng được nhịp tim đập của thành phố. Từ bành sáng đến khuya khoắt mịt mù, hiếm khi nào quán

vắng khách. Có mặt đủ loại các celebrities (những người nổi tiếng) ca sĩ, nhạc sĩ, người mẫu, đại gia, công tử, dân chơi v.v... Ở những quán cà phê "đầy phong cách" như thế, không khí của nó là biểu hiện cho một lối sống, chắc hẳn là không thuộc về đại đa số người dân kiếm ăn từng bữa. Vì thế, khi nói về văn hóa cà phê, người ta vẫn phải nhìn vào những nơi tụ họp đông đảo giới lao động cùng với những lo âu, vui buồn bày tỏ trong lúc họ ngồi nhâm nhi ly cà phê với giá cả phải chăng. Xem ra, văn hóa cà phê của Sài Gòn, của Hà Nội cũng không thiếu những đặc trưng cơ bản của văn hóa cà phê thế giới.

(T.Vấn – Văn hóa cà phê)

Giọng Sài Gòn II

Giọng người Sài Gòn không ngọt như mía lùi như một số người dân Tây Nam bộ ven vùng phù sa sông nước. Không nặng nề cục mịch như người miền Đông Nam bộ nóng cháy da cháy thịt. Giọng người Sài Gòn cũng ngọt, nhưng cái ngọt thanh hơn.

Giọng người Sài Gòn không cao như người Hà Nội, không nặng như người miền Trung, mà cứ ngang ngang, sang sang. Nghe biết liền với... "ổng, bả, ảnh, chỉ", với mấy từ ở cuối câu... "nghe, hen, hén".

(Người Sài Gòn – báo Sài Gòn nhỏ)

Những nhà văn nữ miền Nam

Tôi (Trùng Dương Nguyễn thị Thái) tò mò tìm tên các bạn gái viết văn của mình hồi ấy thì thấy Nguyễn thị Thụy Vũ được khoác cho cái nhãn "nhà văn nữ giàu tình dục", Túy Hồng "nữ văn sĩ giàu tính nhục cảm", Nguyễn thị Hoàng "nhà văn trẻ của tình lụy", Thu Vân (?) "nhà văn dùng tính dục để giải quyết vấn đề".

Và cá nhân tôi, Trùng Dương "nhà văn hiện thực buông xả" (chữ nghiêng là của tôi, vì tôi không hiểu chữ "xả" đi với "buông" có nghĩa gì).

(Nguyễn Công Khanh – Lịch sử báo chí Sài Gòn)

Biệt kích văn hóa

Cô Lĩnh Mai áo trắng ngày nào, lỡ chọn phải ông chồng nghệ sỹ, đã thành một bà vợ tàn tảo, vất vả. Thấy Trung ì ạch chở được tôi về tới nhà, Mai cười: "A. Đây rồi. Bà biệt kích văn hóa. Em trông chị mãi. Lên gác ngay. Ông ấy hi hục với cái portrait của chị mấy tuần lễ đấy. Hết xấy. Ai thấy cũng lé mắt".

Trên căn gác gỗ ọp ẹp, bụi bặm, bức tranh dựng giữa đồng chai, hũ sơn cọ ngổn ngang. Tôi (Nhã Ca) đó sao, con mụ tóc tay tươi tắn, chân tay xù xì ngồi bó gối chịu trận?

Nguyễn Trung bật ngọn đèn, chiếu vào tranh, cần nhẩn: "Hết cha nó vải bố. Phải hy sinh cái tranh cũ, vẽ phủ lên. Màu lại thiếu, dầu cá cũng cạn. Chất sơn vì vậy không mịn màng được, lại hóa ra hay. Trung lấy sơn, nguệch ngoạc góc trái tấm tranh: "Chân dung Nhã Ca, 20.4.76." Khoảng ngày này, tôi đang nằm trong cát sô sở công an thành phố.

Biệt kích văn hóa là tên một cuốn sách do Trần Văn Giàu, Vũ Hạnh, Lữ Phương viết về mười tác giả miền Nam. Trong sách này, nữ biệt kích duy nhất là tôi, được xếp hàng thứ sáu. Những người khác là Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường, Doãn Quốc Sỹ, Nhất Hạnh, Võ Phiến, Duyên Anh...v.v..

Lĩnh Mai giúp chồng trải giấy gói báo chân dung biệt kích. "Nữa." Nguyễn Trung tiếp tục kể. "Sau khi bọn mày bị bắt, có bữa tao đang ngồi vẽ mày, Mai Thảo ghé qua. Lâu lắm rồi không gặp lại. Nghe nói bọn nó vẫn đang lũng bắt chả gắt lắm. E khó thoát quá." Cả năm rồi. Vẫn tiếp tục lũng bắt. Đúng là Mai Thảo chưa sa lưới.

Cuối năm, ngày ngắn. Trời chập chạng tối. Nguyễn Trung lại ì ạch đạp xe, chở dùm cả người lẫn tranh về tận nhà.

(Nhã Ca – Chân dung biệt kích)

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Tán gái

Gái Sài Gòn : Dễ bỏ, khó tán

Gái Hà Nội : Dễ tán, khó bỏ

Thơ phổ nhạc

Có một số thơ phổ nhạc nổi tiếng một thời. Nhưng tên thi sĩ bị bỏ quên, như:

[Ngày mai đi nhận xác chồng](#)

[Say đi để thấy mình không là mình](#)

....

Và tác giả là Lê Thị Ý...*

(Phụ chú: *em gái Lê Đức Vương, bút danh Vương Đức Lệ)

Văn học miền Nam nhìn từ miền Bắc

Sự đa dạng phong cách thể hiện rõ nhất trong sáng tác của những nhà văn nữ. Đã có những nhận xét xác đáng về văn phong từng tác giả, đem gom lại chúng ta sẽ có một bó hoa đẹp, màu sắc phong phú. Tôi (Hoàng Ngọc Hiến) nêu lên ở đây những nhận xét tình cờ tôi ghi lại

được.

Về phong cách của Nguyễn Thị Hoàng Bắc:

"Những truyện ngắn của Nguyễn thị Hoàng Bắc "không có chuyện hiểu theo nghĩa thông thường, nghĩa là có gặp gỡ, trắc trở, và hạ hồi kết cuộc. Đời sống của cả dân tộc lẫn tác giả có quá nhiều bất trắc chông chênh để văn chương Nguyễn Thị Hoàng Bắc là những mẫu đời tròn trịa hợp lý. Truyện Nguyễn thị Hoàng Bắc là những mảng đời mong manh bắt đầu bằng những kỷ niệm, trải dài qua thăng trầm của thời thế, và thường không biết kết thúc ở đâu. Nhiều truyện chấm dứt ở chỗ lửng lơ. Nhiều chuyện khác dứt ở một tiếng thở dài. Giọng văn tinh nghịch linh hoạt của *Long lanh hạt bụi* thuở đầu, qua *Bên lở bên bồi*, trở thành trầm lắng hơn, bùi ngùi hơn; tiếng cười chưa tắt nhưng đã nhuốm đôi chút cay đắng, hoang mang". - Nguyễn Mộng Giác.

Sau đây là phong cách đa dạng của Miêng (bút danh của Nguyễn Thị Xuân Sương):

"...Từ không khí ngọt ngào, đặc quánh của "Cu Bọm" ta bước vào xoắn xang, lo âu ủa "Song Sinh", rồi thoát đến cái nhí nhảnh hồn nhiên trong ỡm ờ, chất thơ của "Hải nữ". Ta ngỡ ngỡ tự hỏi tất cả chừng ấy là do cùng một người viết? Miêng có cái khéo léo lôi cuốn ta đi gần đến cuối truyện để kết luận một cách đột ngột, phần lớn trái với dự tưởng của người đọc... Đâu đây, ta như thấy chị đang nheo mắt cười vì đã đưa thêm một độc giả vào tròng" - Nguyễn Nam Trân.

Cái thần của văn phong Phan Thị Trọng Tuyền thể hiện ở nụ cười của tác giả:

"...người ta có thể ưu tư mà không hề phải rầu rĩ... Phan Thị Trọng Tuyền gần như luôn luôn có một nụ cười... Cái cười cho là của Hồ Xuân Hương nghe khiêu khích cợt nhả, cái cười của Linh Bảo lại chua chát đắng cay. Ở Phan Thị Trọng Tuyền nụ cười vốn giản dị. Cười như nghịch ngợm hồn nhiên, như nét tinh quái thường ánh lên trên các gương mặt thông minh. Ở đây, ta bắt gặp người phụ nữ Việt Nam trong một không khí tinh thần mới: tự do, khoáng đạt, cởi mở." - Võ Phiến.

Còn thiếu rất nhiều bông hoa. Tôi lại không biết trình bày, sắp bó vụng về. Mong được sự lượng thứ của quý vị độc giả và tác giả.

(Hoàng Ngọc Hiến – Đọc văn học Việt Nam hải ngoại)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Bến Nghé theo Trịnh Hoài Đức là cái bến uống nước của trâu con, do một tên rất cũ là Kompong Krabey (bến trâu) đã được Việt hóa. Nhưng ông Đốc phủ Trần Quang Tuất (1765-1825) cho rằng nơi đây có lùm con cá sấu chúng thường kêu ghé nên gọi là Bến Nghé. Trịnh Hoài Đức dịch là "Ngưu-tân".

Bến Nghé là cái bến sông Sài Gòn có tên là sông Bến Nghé, cũng có tên là Tân Bình Giang hay là Đức Giang lấy nguồn ở Ban Bót (theo Gia-Định Thông Chí). Còn cái rạch Bến ghé nổi dài bởi kinh Tàu-hủ (Arroyo chinois) ngày xưa có tên là Bình Dương và chỗ nó chảy ra giáp sông Bến Nghé gọi là Vàm Bến Nghé.

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Giòn...

*Người xinh cái bóng cũng xinh,
Người giòn cái tỉnh tỉnh cũng giòn.*

Vậy *giòn* nghĩa là gì ?

Từ điển tiếng Việt của Văn Tân là xinh đẹp và có duyên.

Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê :

- 1) Dễ gãy, dễ vỡ vụn ra, khi gãy vỡ thường phát ra thành tiếng.
- 2) Âm thanh: vang và gọn, nghe vui tai.
- 3) Vẻ đẹp về phụ nữ.

Hiển nhiên định nghĩa của hai cuốn *Từ điển tiếng Việt* còn thiếu.
Huỳnh Tịnh Của *giòn* là *bộ ráo rể, xốp thiti, không cứng*.
Génibrel dịch chữ *giòn* để *gãy, dễ vỡ, nhanh nhẹn, linh động*.

Bài dân ca cải biên *Trấn thủ lưu đồn* có câu :

Mi đẹp, mi giòn

So (cái) bề nhan sắc mi (hãy) còn kém xa.

Giòn vẫn không phải là đẹp. Tóm lại, chữ *giòn* có nhiều nghĩa...

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Câu đố tình tự IV

Mặt tròn vành vạch, đít phồng phao
Mân mân, mó mó, đút ngay vào
Thủy hỏa tương giao, sôi sùng sục
Âm dương hòa khí, sướng làm sao

Bạn là người Việt?

Đề giày ngoài cửa.
Nhả xương ra bàn.

Câu đố tình tự IV

- Cái điều bát

Ca dao tình yêu miền Nam

Sự mộc mạc hồn nhiên ở từ ngữ, cách thể hiện dung dị, hóm hỉnh thường thấy trong ca dao tình yêu miền Nam. Đó cũng là biểu hiện tính cách đặc trưng của người dân nơi đây. Trước hết là chất hóm hỉnh không cố tình, qua những từ ngữ mộc mạc, chân thật. Đó là tinh thần phóng khoáng, linh hoạt, dày dặn ứng biến của những con người "Ra đi gặp vịt cũng lùa; Gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu"...

"Nếu mà không lấy đặng em
Anh về đóng cửa cài rèm đi tu"

Chàng đi đến đâu nàng theo đến đó để thách thức cùng số phận:

"Tu đâu cho em tu cùng
May ra thành Phật thờ chung một chùa"

(Đoàn thị Thu Vân – Chất hóm hỉnh trong ca dao miền Nam)

Đông miên

Đông miên – *Đông*: mùa đông. *Miên*: một loài sâu.
Có loài sâu mùa đông ngủ như chết, đến mùa xuân mới tỉnh dậy.
Thơ có câu: "*Đông miên cánh vật mầu tang tóc*".

Cô miên: giấc ngủ cô đơn.

Mắt xanh

Khi Từ Hải tìm gặp Kiều ở Hành viện châu thai bèn hỏi:
Bấy lâu nghe tiếng má đào
Mắt xanh chẳng để ai vào có không

Mắt xanh đây không chỉ cho người con gái còn xuân xanh hay "*Mắt em diu diu buồn Tây phương*" của Quang Dũng (Tây Phương là tên chùa ở Sơn Tây).

Mà là theo tích Tàu: Đồi Tán, Nguyễn Tịch tiếp khách thấy ai không hợp ý mình thì...mắt trắng dã. Nếu ai hợp nhãn mình thì...mắt xanh lè.

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Yêu

Hà Nội : Yêu vẫn phải giữ
Sài Gòn : Yêu là hết mình luôn

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Chợ Bến Thành (mới) xây năm 1914 trùng tu năm 1950, Nhà thờ Đức Bà khởi công năm 1877, hoàn thành năm 1883, Sở Bưu Điện và Tòa án cất năm 1883, Dinh Norodom khởi công ngày chủ nhật 23-2-1868. Thủy sư Đô Đốc De La Grandière với sự hiện diện của kiến trúc sư Hermitte từ HongKong tới, đã đặt viên đá đầu tiên vương vức mỗi bề nửa mét, trong đó đựng một hộp chì chứa những đồng tiền vàng và bạc dập hình vua Napoléon III.

Tòa Đô Sảnh (1901-1908) trên có một gác chuông do họa sĩ Ruffier trang trí mặt tiền. Viện Bảo Tàng Quốc Gia xây năm 1927, khánh thành ngày 1-1-1929, có tới 4.000 cổ vật đã kê thành mục lục và trình bày trong 14 gian phòng. Vườn Cầm Thảo (Sở Thú) tương tự với rừng Vincennes ở Pháp, được lập năm 1864. Sau khi đã san bằng, việc đưa thú tới nhốt nơi đó hoàn tất năm 1865. Đây đó ta còn gặp một số địa danh nguồn gốc Tây Phương như: Ba-Son (Arsenal) trong có một bến sửa tàu (bassin de radoub) xây bằng xi măng cốt sắt từ năm 1858, Chữ Ba-Son do chữ Bassin mà ra. Vườn Bờ Rô (do chữ Jardin des Beaux Jeux) hay là vườn Ông Thượng, xưa kia là hoa viên của Tổng Trấn Lê Văn Duyệt, nay là vườn Tao Đàn.

(Hồ Đình Vũ - Nguồn gốc một số địa danh miền Nam)

Hát nói

Bài hát nói, xét quy tắc gần gũi thể song thất lục bát, có thể coi như một bước tiến, một biến thể của lối song thất.

Lối gieo vần đúng là vần trong về hay nói lối. Trong các tuồng hát của ta, bên cạnh những điệu ngâm, vãn, có một điệu gọi là viết, hay nói, hay bạch, hay nói lối. Ở điệu này thể vãn và vần gieo chính là cách nói lối.

Tóm lại bài hát nói có thể coi như con đẻ của song thất và nói lối.

(Phạm Thế Ngũ - Việt Nam văn học sử giản ước tân biên)

Chữ và nghĩa với địa danh miền Nam

Khu phố *Dakao* (*Đa Kao*, có bản đồ viết là *Đa Cao*), thời Tây còn được gọi là *Đất Hộ*. Vì *đường trên* phía đất cao (*route haute*).

Route haute được người Việt gọi là *đường hô* (*haut*). *Đất cao* được gọi là *đất hộ*. Tiếng tây tiếng ta gọi là *Đất Hộ*.

Khu phố Đa Kao nằm tại vùng đất cao mà người Pháp gọi là *Zone de plateau*, ta gọi là vùng *đất cao*.

Đất cao được người Pháp phát âm là *Dakao* (Đa cao).

Thiên ngôn



Ta cứ ngỡ xuống trần chơi một chốc
Nào ngờ đâu ở mãi đến hôm nay
(Bùi Giáng)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Ngô Văn Phú mở đầu sự nghiệp thơ là bài thơ *Mây và bóng*:
Trên trời mây trắng như bông,
Ở dưới cánh đồng, bông trắng như mây.
Những cô má đỏ hây hây,
Đội bông như thể đội mây về làng.
(1961)

Bài thơ này được giải thưởng báo Văn Nghệ năm 1962, năm 1963 được đưa vào sách giáo khoa lớp 1 (VNDCCH- Hà Nội). Nhà thơ Bằng Bá Lân trong thời gian 1952-1953 đi tản cư về dạy học ở Thị xã Phúc Yên, ông có sáng tác bài thơ *Năm xưa*:

(,,,
Dừng chân mơ cảnh dịu hiền,
Một thời Nghiêu Thuần riêng miền quê đây,
Mấy cô má đỏ hây hây,
Nghiêng mình kéo nước giếng xây đầu làng.
(,,)

Câu 3 trong bài thơ của Ngô Văn Phú chỉ khác câu 3 của Bằng Bá Lân là chữ "những" với "mấy". Giá như hồi ấy do Bắc - Nam bị chia cắt, cách trở, thầy Bằng Bá Lân còn ở mãi trong Sài Gòn, mà Ngô Văn Phú có thêm chú thích "câu thơ này mượn của thầy Bằng Bá Lân thì "đẹp" biết chừng nào?

(Góc thành nam Hà Nội – Nguyễn Khôi)

Bàem

Bàem : nói khoé
(lời bàem bố)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Địa danh miền Nam

Lâm Đồng là tên ghép nối *Lâm Viên* và *Đồng Nai* (thượng).

Lâm Viên là phiên âm chữ của người Việt (người Kinh) về một địa danh Liang Biang. Liang Biang thực chất là một từ thổ ngữ của hệ Nam Á, có nghĩa là "Chàng" và "Nàng".

Thơ Bút Tre và Hồ Xuân Hương

Anh đi công tác Pờ Lây
Cu dài dằng dặc biết ngày nào về

Việc sử dụng dấu chấm câu trong báo chí

Báo *An ninh thế giới* có đoạn viết: "Ai đã từng tiếp xúc hoặc làm việc với Pugô đều có nhận định rằng, ông là con người trí tuệ sắc sảo, nghiêm túc, chấp hành nguyên tắc, kỷ luật cao".

Sau nhóm từ "nhận định rằng" phải dùng dấu hai chấm (:) chứ dùng dấu phẩy (,) là sai, vì những ý sau đó giải thích cho ý đầu.

Cũng trong số báo trên, còn thấy hiện tượng dùng dấu phẩy thay cho dấu hai chấm ở một số chỗ khác, như: "Ông tuyên bố rằng, ông ủng hộ lời kêu gọi của...".

(Trần Dĩ Hạ - Tạp chí Tài hoa trẻ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Việc dễ mà không làm cho khó,
Thì làm chó gì có... thịt chó mà ăn?

Chữ nghĩa trong câu đối

Câu đối chữ Nho gọi là *doanh thiếp* hoặc doanh liên

Doanh là *cột*, thiếp là mảnh giấy có *viết chữ* và liên là *đối nhau*. Tức những câu văn đi đôi với nhau thế nào cho ý, chữ và luật bằng trắc cân xứng với nhau.

Có lần, một nhà sư nọ ra về đối đầy ngạo mạn: **Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thành thánh phật tiên nhưng khác tục.**

Để đối lại, Nguyễn Công Trứ không tiếc lời mai mỉa: **Hay tám vạn nghìn tư mặc kệ, không quân thân phụ tử đểch ra người.**

(Nguyễn Kiến Thiết – báo Thời Báo)

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Hình thức

Sài Gòn: Ra đường đầu tóc chỉnh tề

Hà Nội: Đội nón tai bèo ta rề rề dạo phố

Văn hóa cà phê

Như một cánh cung, phố Hàng Hành bên hồ Hoàn Kiếm dài hơn trăm mét có đến mấy chục hàng ăn hàng café. Nghe nói ngày xưa đây là nơi bán hành tỏi, sau chuyển sang nghề tiện gỗ. Ấy chỉ là một gian nhà hẹp ở phố Cầu Gỗ. Một dạo, ông Vũ chuyển sang uống ở café Lâm phố Nguyễn Hữu Huân. Lâm nổi tiếng vì chơi với nhiều văn nhân nghệ sỹ, về già lại hay cúng tiền công đức lên cho các chùa. Lâm mất, ông Vũ chuyển về uống ở café Mai phố Lương Ngọc Quyến. Năm 2000, Mai bị bắt vì buôn ma tuý, ông Vũ chuyển về uống ở café Nhân Hàng Hành. Ngày nào cũng vậy, cứ 9 giờ sáng và 5 giờ chiều, ông Vũ đều đặn hai lượt đến ngồi ở trên ban công gác hai nhìn xuống mặt đường, uống một ly café đen đá và hút thuốc lá Camel, đôi mắt xa xăm nhìn ngắm bóng chiều cứ xuống dần dần qua tán lá bàng. Thời gian trôi đi, tất cả rồi mất hút vào trong quên lãng, qua khói thuốc, qua ly café. Chớp mắt hốt nhiên đã hết veo một đời người...

Café Nhân là nơi bọn *giai phố* và đám thanh niên trẻ rất thích ngồi. Một nhóm họa sĩ thời thượng ở Hà Nội để râu xồm xoàm cũng hay ngồi đây, có một bàn đặt hẳn hoi được trả tiền trước. Café Nhân không phải là đệ nhất café Hà Nội. So với café Bằng ở chợ Hàng Da thì thâm niên của café Nhân chẳng ăn thua gì. Café Bằng có từ khi Hà Nội vừa mới Tây hoá. Con thạch sùng ghép bằng sứ ở chợ Hàng Da là biểu hiệu của café Bằng. Đấy mới đích thị là *đệ nhất đồ cổ* café Hà Nội.

Ở phố Hàng Hành, café Nhân chưa hẳn đã là chỗ ngồi đẹp nhất. Vĩa hè ở mấy dãy nhà số 39 mới là chỗ ngồi đắc địa. Ở đây người ta có thể quan sát cả đoạn phố dài, có thể tha hồ ngắm nhìn thiên hạ đi qua đi lại. Bầu không khí bằng lăng thậm chí còn hơi hiu hắt ở đây quăng tầm giờ chiều gợi nhớ vô biên đến những phố huyện ở vùng Hà Nam Phủ Lý hay ở vùng đồi trung du Phú Thọ. Ngồi trên gác hai café nhà số 20 trông xuống mặt đường, nhất là vào những đêm hè, người ta cũng có cảm giác như đang ngồi trên gác một quán cao lâu ở trong phố cổ Hội An cơ nữa...

(Nguyễn Huy Thiệp - Cafe hàng Hành)

Địa danh miền Nam

Đà Lạt: *Đà*, theo tiếng ngữ hệ người Thượng (L'ach) là nước, là sông nước. *Lạt*, nghĩa là thưa, rừng thưa. Như thế, Đà Lạt nghĩa là vùng sông nước có nhiều rừng cây thưa.

Tiếng Việt, dễ mà khó

Nếu chịu khó quan sát, chúng ta sẽ phát hiện trong những chữ quen thuộc chúng ta thường sử dụng hàng ngày ẩn giấu những quy luật bí ẩn lạ lùng. Tính chất bí ẩn ấy có thể nói là vô cùng vô tận, dẫu tìm kiếm cả đời cũng không hết được.

Như gặp chữ "thun lùn", nó ám chỉ cái gì rất ngắn. Và liên tưởng đến những chữ có vần "un": cụt ngắn, ngắn ngắn, v.v...

Gặp chữ "*dập dềnh*", là nó ám chỉ một cái gì trời lên trụt xuống do sự liên tưởng đến những chữ có khuôn vần tương tự: bấp bênh, gập ghềnh, khấp khểnh, tấp tễnh, v.v...

Nói tiếng Việt vừa dễ vừa khó là vì thế.

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

Bạ

Bạ : đậu vào, bậu vào
(thấy ma bạ vào vách)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Văn hóa Phùng Nguyên

Cách đây 4000 năm, tụ cư ở vùng lưu vực sông Hồng và các chi lưu, các *bộ lạc Phùng Nguyên* đã tạo nên những cơ sở vật chất và tinh thần đầu tiên cho thời kỳ Hùng Vương. Tất cả các chứng cứ khảo cổ học đều nói lên rằng sự phát triển từ văn hóa Phùng Nguyên đến văn hóa Đông Sơn, qua các giai đoạn Đồng Đậu, Gò Mun, trong lưu vực sông Hồng, là liên tục. Điều đó không những chứng minh rằng văn hóa Phùng Nguyên là cội nguồn của văn minh sông Hồng mà còn chứng minh các bộ lạc Phùng Nguyên là cái lõi đầu tiên của dân tộc Việt. Văn hóa Phùng Nguyên đã tồn tại trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ 2 trước công nguyên.

Điểm đáng chú ý trong đời sống kinh tế của cư dân văn hóa Phùng Nguyên là sự xuất hiện của đồng và thuật luyện kim. Đồng đã có mặt ngay ở giai đoạn sớm nhất của văn hóa này tìm thấy xỉ đồng, chứng tỏ con người đã luyện kim ở ngay đây chưa tìm thấy những đồ đồng

nguyên vẹn đồ đồng còn rất hiếm.

Người Phùng Nguyên ưa thích họa tiết tạo nên bằng những đường cong. Tất cả đều uyển chuyển, thanh thoát, dứt khoát mà vẫn mềm mại, nhịp nhàng mà không đơn điệu. Sự hài hòa của bố cục họa văn biểu hiện cả chiều ngang và chiều dọc đồ đựng và có sự phối hợp khéo léo giữa họa văn và kiểu dáng trên đồ gốm.

(Hà Văn Tấn - Lịch sử Việt Nam)

Thiết tha

Thiết: cắt. Tha: mài. *Chinh phụ ngâm khúc* có câu "[Cánh buồm người thiết tha lòng](#)". Nguyên nói về thợ làm rìng lấy dao để cắt, lấy đá để mài dũa. Sau dùng để nói bạn bè trau dồi học vấn với nhau hay tình thân giữa hai người.

Sùng sỏ

Trong bài Hàn nho phong vị phú có câu "[Túng đường mang quyết chí cùng tư – Phép nước chưa nên gan sùng sỏ](#)".

Sùng sỏ do chữ "đầu giác" với đầu là đầu, giác là sùng. Nghĩa rộng người còn trẻ hãy tranh đấu với đời sống.. Người ta thường dùng "*sùng sỏ*" để chỉ kẻ ngang ngạnh.

Ta gọi là... "*đầu bò đầu bươu*".

"Hư từ" với... "đi"

"Hư từ", theo Hồ Ngọc Đức là những: "*Từ không tiêu biểu cho sự vật, hành động hoặc không có đối tượng và chỉ biểu thị những mối quan hệ giữa các thực từ trong câu.*"

Chẳng hạn như từ "đi", thông thường, "đi" trong Việt ngữ là từ vựng chỉ hành động di chuyển từ A tới B, không phân biệt đi bộ, đi xe đạp, đi xe ngựa xe bò, đi xe ôm, đi xe máy, đi xe đồ, đi xe hơi, đi tàu bè hay đi bằng máy bay. Bất kể sử dụng phương tiện giao thông gì, dân Việt đều nói "đi" tốt luốt. Ca dao có câu:

"Đi đâu cho thiếp theo cùng.

Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam."

"Đi đâu", ở đây, không nêu rõ đích đến của "đi", mà ngụ ý "dù bốn ba chân trời góc bể nào..." "đi" hoá ù lì, không nhúc nhích cục cựa gì hết, mà được dùng theo thể mệnh lệnh cách, dùng để sai khiến, đòi hỏi hoặc yêu cầu.

Cũng chưa thấy gì "quan ngại" lắm! Chuyện đáng ngại chỉ xảy ra, khi "đi" cặp kè với "thôi". Còn gì đau lòng hơn, khi lời đề nghị (hẳn là số sảng) của chàng bị nàng ngắt gọn phang cho hai chữ: "Thôi đi!" Trong tình huống này, kiểu nói, hay văn hoa bóng bẩy, phong cách diễn đạt của đối tượng nàng giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Nếu giọng nàng ngọt ngào, nũng nịu với một ngất quãng giữa hai chữ thì chưa sao. Hy vọng còn tràn trề. Chỉ khi nào nàng đổi giọng cau có, thì hy vọng gần như tiêu tủng, liệu tìm lời năn nỉ thì hơn! Và từ "đi" bỗng hoá vô nghĩa, biến dạng thành một thứ gì rất... kỳ cục, người viết không biết phải giải thích sao cho ổn.

(Ngô Nguyên Dũng - "Ảo từ" hay "biến từ" trong tiếng Việt?)

Lính khổ thời Tây

- Lính khổ lục : Lính canh ở những tỉnh xép, phủ, huyện.
- Lính khổ xanh : Lính đóng ở đồn, bót.
- Lính khổ đỏ : Lính chiến đấu, được thực dân Pháp ưu đãi hơn lính khổ lục, lính khổ xanh.

(Vũ Ngọc Phan – Hồi ký những năm tháng ấy)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Vô tư là cái tròn tròn
Dùng đi dùng lại vẫn còn đến sáng mai
Vô tư là cái dài dài
Dùng đi dùng lại đến sáng mai vẫn còn
Vô tư là cái vô tư
Vô tư là cái từ từ nó vô...

Đường cái quan

Đường thiên lý là tên gọi cũ của Quốc Lộ 1A (QL1A) ngày nay. Thời nhà Nguyễn còn có tên là "đường cái quan", chạy dài từ Lạng Sơn từ cây số 0 ở Ải Nam Quan (nay gọi là "Hữu Nghị Quan") đến mũi Cà Mau (thị trấn Năm Căn). Đường thiên lý được thiết lập và xây dựng qua nhiều triều đại.

Đến thời nhà Nguyễn, trên đường thiên lý triều đình cho đặt nhiều nhà trạm (dịch trạm) để chuyển công văn, sắc lệnh của nhà vua đến các tỉnh ở miền Nam hoặc miền Bắc (vua đóng đô ở Huế, được coi là trung tâm của đất nước). Những công văn thường được cuộn tròn đựng trong 1 ống tre nhỏ, có bao giấy và niêm phong, đóng dấu mộc cẩn thận. Ống tre nhỏ này sẽ bỏ trong ống tre lớn hơn, và được bao giấy, niêm phong thêm một lần nữa. Tại mỗi dịch trạm đều có phu trạm và cai đội thi hành việc chuyển công văn. Có vài dịch trạm được cấp ngựa để di chuyển.

(Nguồn: Vương Sinh)

Sự khác nhau giữa Sài Gòn và Hà Nội

Sài Gòn: Xe 5 số 67, TaK X đời đầu, áo phông quần sóc
Hỏi tiền: Chú cần nhiều???
Hà Nội: Xe đẹp, điện thoại nhỏ, áo bỏ trong quần.
Hỏi tiền: Không có.

Chữ và nghĩa

Xúi (giục) của người miền Nam không phải là xúi (quấy) của người miền Bắc.
Xui (xẻo) trong Nam không đồng nghĩa với xui (giục) ngoài Bắc.
Xúi (Nam) nghĩa là xui (Bắc) và xui (Nam) nghĩa là xúi (Bắc)!

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Chữ và nghĩa

Tôi có hai người bạn, một không thích dùng chữ Hán-Việt, một lại rất thích thú và giỏi chữ Hán-Việt. Tôi gọi người không thích là "Anti- Hán-Việt", còn người kia là "Pro- Hán-Việt". Gần đây nhất, tôi dùng chữ "vô song" trong câu "sức mạnh vô song", thế là người hùng chống (giặc) Hán diệt ngay chữ "vô song" tội nghiệp của tôi để thành "sức mạnh không hai". Tôi đọc lại, cười muốn té ghế. Vừa phải thôi, "vô song" mà đổi thành "không hai" thì nghe có khác gì "máy bay trực thăng" thành "máy bay lên thẳng". Nhưng Anti- Hán-Việt cứ cãi, cho rằng "vô" là không, "song" là hai (như "song sinh" là hai đứa bé cùng sinh ra), vậy "vô song" là "không hai" chứ gì nữa.

Tôi thuộc loại chữ Việt chưa đầy lá mít, chữ Hán-Việt chưa đủ lá me nhưng nhất định không chấp nhận cái "zero two" này, bởi lẽ, "vô song" đi kèm với chữ "sức mạnh" chỉ có nghĩa bóng là "mạnh ghê lắm" chứ không theo nghĩa đen là "không ai sánh bằng".

Ngoài ra người ta thường nói "Có một - không hai" để dịch câu "Độc nhất - vô nhị", nếu như dùng chữ "không hai" cụt ngắn thì thế nào người đọc cũng bảo người viết dốt thành ngữ. Kể ra lý lợm như Anti- Hán-Việt cũng là "có một, không hai". Thôi, một cũng đủ chết cha người ta.

(Ngũ Phương - Tản mạn chuyện chữ Hán-Việt)

Thiên ngôn



Ra đời hai tay trắng,
Lìa đời trắng hai tay.
Sao mãi nhạt cho đây,
Túi đời như mây bay...

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trăng hôm nay cao quá,
Anh muốn hôn vào má.
Trăng hôm nay cao tí,
Anh muốn hôn vào...
Trăng hôm nay mới nhú,
Anh muốn hôn vào...

1955 tuần báo Người Việt

Năm 1954 di cư vào Nam. Hoạt động trong Hội sinh viên, cùng Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Quốc Sỹ chủ trương nguyệt san Lửa Việt (Sài gòn). Năm 1955 cùng các bạn làm tuần báo Dân Chủ của Vũ Ngọc Các và Tuần báo Người Việt chỉ ra được bốn số vào cuối năm 1955.



- Số 4 ra số đặc biệt với chủ đề *Sáng Tạo* có 66 trang.

Người Việt bộ mới in cỡ 20cm x 27 cm, bìa hai màu, hiện diện ở nửa sau của năm 1955 là một tập hợp đầu tiên giữa Thanh Tâm Tuyền với những người bạn: Mai Thảo, Quốc Sỹ, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Quách Thoại .

Thời điểm tuần báo Người Việt có mặt là một năm sau hiệp định Geneve: chia Việt Nam làm hai ở vĩ tuyến 17, lấy sông Hiền Lương làm ranh giới. Báo chí cũ vẫn tiếp tục xuất bản, nhưng nay có thêm nhiều báo mới của những cây bút di cư và những người bỏ hàng ngũ bên kia trở về.

Ở Sài gòn, báo chí có một đời sống rất sinh động. Những báo chuyên về văn nghệ có: Tờ Văn Nghệ Tự Do với các cây viết: Nguyễn Hoạt, Như Phong, Bùi Xuân Uyên, Triều Đầu, Tam Lang. Tờ Quan Điểm với các cây bút: Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Vương Văn Quảng... Tại Huế có tờ Mùa Lúa Mới của Đỗ Tấn, Võ Phiến ... Nguyệt san Văn Nghệ Mới của Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, Trần Lê Nguyễn...

(nguồn Dương Nghiễm Mậu)

Bạm

Bạm ; tướng dữ
(tướng bạm trợn)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Nha Trang

Kể từ thế kỷ thứ hai, dưới thời Lâm Ấp (Chiêm Thành), hải cảng Kamran và Ya-Tră là nơi thuyền buôn từ Ấn Độ tấp nập đến buôn bán, và truyền bá văn minh, văn hoá của Ấn Độ. Đạo Bà La Môn và Phật Giáo (Tiểu Thừa) thịnh hành ở Nam Chiêm. Như vậy, Phật Giáo đã có ở Kamran và Ya-Tră từ thế kỷ thứ 2, văn hoá Ấn Độ được truyền sang Bắc Chiêm, vốn bị ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa (nhà Hán). Như vậy, dưới thời Chiêm Thành, Ya-Tră vừa là trung tâm tôn giáo (Tháp Bà), vừa là hải cảng phồn thịnh.

1653: Thị trấn *Ya-Tră* phát âm từ tiếng Chăm thành *Nha Trang*.

"Nha Trang cổ" được lịch sử Chăm nhắc đến vào năm 653 khi nữ hoàng Jagadharma mất, dân Chăm lập tháp Po Nagar (Tháp Bà) ở Cầu Xóm Bóng Nha Trang ngày nay.

(Xem..."Kamran"...ở phần dưới)

Con gái bẫy nghề

Thìa la thìa lầy con gái bẫy nghề gồm:
Ngồi lê, dựa cột, theo trai, ăn quà, trốn việc, hay nằm, đánh cháu.

Cam Ranh

Kamran phát âm từ tiếng Chăm thành Cam Ranh.

Đường cái quan

Đường thiên lý là tên gọi cũ của Quốc Lộ 1A (QL1A) ngày nay. Thời nhà Nguyễn còn có tên là "đường cái quan", chạy dài từ Lạng Sơn từ cây số 0 ở Ải Nam Quan (nay gọi là "Hữu Nghị Quan") đến mũi Cà Mau (thị trấn Năm Căn). Đường thiên lý được thiết lập và xây dựng qua nhiều triều đại. Đường cái quan (hay đường thiên lý) vượt 5 con đèo hiểm trở là đèo Tam Điệp, đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Cù Mông và đèo Cả.

Đèo Cả nằm giữa tỉnh Phú Yên (Tuy Hòa) và tỉnh Khánh Hòa (Nha Trang), dài 9 km, cao 153 m.

(Nguồn: Vương Sinh)

Vấn đề phát âm

Một vấn đề khá quan trọng vẫn tồn tại, đó là *vấn đề phát âm*. Từ đầu thế kỷ này (tức thế kỷ 20), một người nước ngoài học tiếng Việt đã có thể nêu lên một nhận xét nửa đùa, nửa thật sau đây:

"Người Bắc thường phạm lỗi về phần "đầu".
Người Trung về phần "bụng".
Người Nam về phần "tay chân"

(Đặng Thái Mai - Tiếng Việt, một biểu của sức sống dân tộc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bước tới nhà em, bóng xế tà
Đứng chờ năm phút, bỏ em ra
Lơ thơ phía trước, vài con chó
Lác đác đằng sau, chiếc chổi chà
Sợ quá anh chuồn, quên đôi dép
Ông già ngoác mồm, đứng chửi la
Phen này nhất quyết mua cây kiếm
Trở về chém ông đứt làm ba!!!

Bấm

Bấm : nhịn
(cổ bấm ăn sôi, sôi lại hầm)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Manh mối chữ Việt cổ

Bài "Ký một giấc mộng" trong sách *Thánh Tông di thảo* giả định rằng người Văn Lang có chữ viết của mình, chữ "ngoằn ngoèo như hình con giun con dế, nay ta không thể đọc được". Gần đây có học giả phát hiện ra rằng, hồi cuối thế kỷ XIX, tạp chí *Hàn Lâm* của nước Anh có đăng một bài của Terrien De La Couperie. Trong bài đó tác giả nói Sĩ Nhiếp buộc người Việt Nam phải học chữ Hán và y cấm người Việt Nam dùng chữ tượng thanh của mình (London 1887).

(Trần Văn Giàu - Chữ quốc ngữ La-tinh...)

Con đĩ đánh bông

Người Tàu gọi các cô làm nghề múa hát, ca xướng là "kỹ nữ".

Chữ "kỹ" bộ nữ của tiếng Hán được ta đọc Nôm là: đĩ.

Kỹ nữ của Tàu hóa thân thành con đĩ của Ta.

Xưa kia khi đình làng mở hội tế lễ có kiệu, cờ quạt, cờ biển. Đi sau có phường đồng văn vừa đánh trống vừa múa hát và được gọi là con đĩ đánh bông.



Đĩ đánh bông

tranh Oger

Con đĩ ngày trước của Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương "*Chơi cho thủng trống tầm bông*" hay "*Cũng đĩ ra đĩ rạc*" trong bài *Đĩ rạc đi tu* hay Dương Khuê với "*Hồng, Hồng, Tuết, Tuyệt...*" là kỹ nữ hát ả đào chú không phải là con đĩ...làm đĩ ngày nay.

(Nguyễn Dư – Tân Văn)

Tục ngữ Ta và Tàu

Nhìn núi này trông núi nọ

Nhất tâm tưởng ngọt thiên nga nhục
(Suốt ngày tơ tưởng thịt...thiên nga)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Bảy chữ, tám nghề

Tuy sách vở không kê khai rõ ràng nhưng có thể nói rằng nước ta vốn có nhiều nghề. Nghề hạ tiện là nghề gì? " Đó là những nghề làm mất nhân phẩm con người như " bé đi cầu, lớn đi hầu, già đi làm khách nợ ", làm nho lại tại các công đường, làm mỗ, xướng ca..." (Toan Ánh, *Phong tục Việt Nam*).

Sau nghề đặc biệt của các ông là nghề cũng không kém đặc biệt của các chị em. Nghề " bán tròn nuôi miệng ", màu mè gọi là nghề mại dâm. Theo truyền thuyết thì mại dâm là nghề xưa nhất của loài người. Từ ngày con người có mặt trên trái đất, tại miền Đông Á, các thế hệ đàn anh đàn chị không ngừng đúc kết kinh nghiệm truyền lại cho đàn em.

Này, con thuộc lấy làm lòng

Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề...

(Kiều).

" Bảy chữ, tám nghề " là một bộ kinh, có thể đã được soạn trước cả Ngũ kinh của Nho giáo. " Bảy chữ " là bảy mẹo quyến rũ khách làng chơi, gồm có : khắp (khóc), tiễn (cắt tóc), thích (xâm tên), thiêu (đốt hương thề), giá (hẹn hò), tẩu (đi trốn), tử (doạ chết). "

"Tám nghề" tám cách gãi đúng chỗ ngứa khách hàng, gồm có:

Kích cổ thổi hoa (dùng cho khách nhỏ con), kim liên song toả (khách to béo), đại xiển kì cổ (khách nóng tính), mạn đả khinh khao (khách chậm chạp), khấn thuyên tam trật (khách mới vỡ lòng), tả trì hữu trì (khách thạo đời), toả tâm truy hồn (khách si tình), nhiếp thần nhiệm toả (khách lạnh lùng). Không phải là nhà nho thì khó mà thuộc lòng được bộ cẩm nang. Cô Kiều được Tú Bà cho thực tập " bảy chữ, tám nghề ".

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

Trích..."Tập làm văn"

Đề: Tả người thầy em yêu quý nhất.

Thấm thoát đã ba mùa hoa ban nở, thầy giáo phải tạm biệt chúng em để về xuôi. Cả làng cả bản đứng tiễn thầy vô cùng ngậm ngùi. Riêng em đứng nhìn theo thầy cho đến khi thầy xa dần, xa dần, đến khi nhỏ bằng...con chó em mới quay lại bản.

Gốc gác địa danh Huế: tiếng Chăm

Hầu hết sách báo bấy lâu nay đều cho rằng *Huế* là do đọc trại chữ *Hoá* tiếng Hán trong tên gọi Thuận Hoá. Đúng thế chăng? Điều có thể khiến nhiều người ngạc nhiên:

Địa danh *Huế* xuất xứ từ tiếng Chăm.

Trước thế kỷ XIV, chính xác là trước năm Đinh Mùi 1307 lúc triều Trần chính thức tiếp quản hai châu Ô và Ry (Lý) thì Người Chăm tại lưu vực sông Hương gọi địa bàn mình trú ngụ bằng tên *Hoé*.

Đại Việt sử ký toàn thư còn ghi chi tiết vào năm Nhâm Thìn 1472, niên hiệu Hồng Đức thứ III: "Ra sắc chỉ cho Thái bộc tự khanh xét họ tên của bọn người Chiêm.". Nhiều gia đình người Chiêm, tức Chăm, mang họ Bá, Bạch, Cái, Chế, Hàm, Hứa, Ma, Ông/Ồn, v.v., lưu lại xứ

Thuận Hoá bây giờ vẫn gọi đất này là *Hoé* giống trước kia và giống cách phát âm của bà con họ ở Ninh Thuận lẫn Bình Thuận ngày nay. Địa danh cổ xưa đó về sau được *Dictionnaire Căm - Vietnamien - Français* (Từ điển Chăm- Việt-Pháp) của Gerard Moussay xuất bản tại Phan Rang năm 1971 ghi là *Hwe*.

Hwe tiếng Chăm có nghĩa hương thơm, chẳng mấy chốc chuyển thành Huế tiếng Kinh. Điều đó khiến hậu thế ngộ nhận rằng Huế do *Hoá* đọc trại ra.

(Phanxipăng – Thử xét lại nguyên địa danh Huế)

Thơ Bút Tre và Hồ Xuân Hương

Anh đi công tác Ban Mê
Thuột xong một cái, anh về với em

Tiếng Việt, dễ mà khó

Biện pháp biến âm đã dẫn đến một hiện tượng khá thú vị trong tiếng Việt: Hiện tượng từ tương tự, tức những từ hao hao gần nhau về cả ngữ âm lẫn ngữ nghĩa.

Chẳng hạn các chữ bót và ngót; đóp, tộp, hóp và độp.

Bẹp, xẹp, lép, khép, nép và nẹp

Xoăn, xoắn, quăn và quẩn

Tụt, rụt và thụt.

Véo, nhéo, và béo...v.v...

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

Chữ nghĩa làng văn

Cũng giống như *Thơ Bút tre* hiện nay, từ văn phong thơ "Bút Tre thật" dân gian đã sáng tác cả trăm, ngàn câu thơ "Bút Tre mới". Thơ nôm Hồ Xuân Hương đi vào cuộc sống dân Việt Nam ta đã ngót 200 năm với bản in sớm nhất là "Xuân Hương di cảo" in năm 1914; các bản khắc ván "Xuân Hương thi tập" in năm 1921 và 1923. Thời điểm xuất hiện "Xuân Hương thi tập" là thời vua Minh Mạng (1820-1840)

Bản chép tay "Quốc Văn Tùng Ký" soạn vào thời Tự Đức đến đầu Duy Tân; các bản chép tay "Xuân Hương thi sao", "Tập thảo tập", "Quế Sơn thi tập", "Xuân Hương thi vịnh", "Liệt truyện thi ngâm" và "Lĩnh Nam quần hiền văn thi văn diễn âm tập".

Vậy bài nào là chính gốc thơ Hồ Xuân Hương trong số 213 bài đang được lưu hành khá rộng rãi? Sau hơn 40 năm nghiền ngẫm... Ông Kiều Thu Hoạch, một chuyên gia về chữ Nôm đã công bố cuốn "Thơ Nôm Hồ Xuân Hương", sau khi dịch nghĩa, dịch thơ, chú giải, chú thích đã loại trừ được một số bài thơ bị gán cho bà chúa thơ Nôm như các bài: "Đánh cờ người", "Tát nước", "Cái nợ chồng con", "Đánh đu", "Bà đanh", "Đồng tiền hoén", "Ông Cừ Vỡ", v...v.... thì chỉ còn với 84 bài.

(Nguồn Nguyễn Khôi)

Bầm

Bầm : nhiều
(uống hơi say mà ngủ bầm)

(Từ điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Phù sinh

Phù sinh dùng như chữ phù du.

Phù du là giống côn trùng sống ở dưới nước. Hóa thân có cánh, bay lên được và có một cuộc sống ngắn ngủi. Người ta thường ví đời người ngắn hạn như kiếp phù du.

Trong bài *Uống rượu tiêu sầu* của Cao Bá Quát có câu:

"Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy – Cảnh *phù du* trong thấy cũng nực cười".

Thiên ngôn



Trăm năm trước thì chưa gặp
Trăm năm sau biết gặp hay chẳng?
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống cho vừa lòng nhau!

Bậm

Bậm : to
(cái thừng bậm *bạm*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Thành ngữ

"Khôn thì sống, *dại thì chết*".
Thực ra là "Khôn thì sống, *mớng thì chết*".

"Giàu đổi bạn, *sang đổi vợ*".
Thực ra là "Giàu đổi bạn, *sang đổi hầu*"

(Nguyễn Đôn Phục – Bằng hữu kim kỳ phú)

Giá sách cũ

Thận Nhiên đỗ xe. Chúng tôi đi tìm một nhà văn miền Nam.
Miền Nam? Một quốc gia biến mất. Văn chương miền Nam? cũng biến mất. Còn Dương Nghiễm Mậu? Dương Nghiễm Mậu tiếp tôi với Nhiên trong ngôi nhà lát đá mát lạnh. Không khác mấy khí hậu trong truyện ông, khô, lạnh lẽo. Dăm bức sơn mài Dương Nghiễm Mậu làm lầy treo trên vách. Tủ sách đề tượng trưng trống rỗng.

Tủ sách của một nhà văn miền Nam sau ngày "giải phóng" trống rỗng. Tôi nhìn tủ sách kỳ lạ. Thầy tôi cũng có một tủ sách và tủ sách ấy ăn vào tuổi thơ tôi không hề biến mất. Chính trong những năm đầu trung học đệ nhất cấp, khi chiều cao cho phép với lên phần có ổ khoá, tôi khám phá Dương Nghiễm Mậu. Những cuốn sách nhà cấm, tôi nhìn tò mò, nhưng không cầm đến. Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Thế Uyên, Thế Phong, Nguyễn Thụy Long,... xếp ngay ngắn sau lớp kính có ổ khoá.

Tôi khám phá xã hội miền Nam sau này bị xích sắt T-54 nghiền nát dưới lòng đường. Tôi chưa kịp đọc Dương Nghiễm Mậu. Tôi chỉ kịp trông thấy ông bị vắt lên xe ba gác chở ra lề đường. Nhưng cũng chỉ một hai tháng sau lề đường bị *truy quét tàn dư Mỹ Ngụy* và ông biến mất.

(Trần Vũ – Sài Gòn, ngày lạ mặt)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chim rùng có cánh, nhiều lông
Chim nhà không cánh nhưng lông vẫn nhiều

Chữ nghĩa làng văn I

Năm tôi (Nguyễn Dữ) học lớp ba trường tiểu học Quang Trung (Hà Nội, 1952), có một lần cả lớp viết sai chính tả từ *giặt gya*. Sai đủ kiểu. Nhiều đứa viết là *giặt dĩa*. Có đứa viết *giặt gia*. Hai ba đứa viết *giặt giạ*. Thầy bảo phải viết là *giặt gya*. Cả lớp chả hiểu tại sao lại viết như vậy. Mãi sau này mới được thấy từ *giặt gya* (Laver ses habits, giặt quần áo) trong tự điển của Génibrel (1898). Thấy cả vua *Gyalong* (Gia Long) trong báo *L'illustration* (1857). Lật *Từ điển tiếng Việt* (1988) của Hoàng Phê ra xem thì thấy viết là *giặt gia*.

Từ đơn *gia* không có trong từ điển của Hoàng Phê. *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của (1895) định nghĩa *gia* là đồ đồng lúa, tức là từ *giạ* của Hoàng Phê.

Hôm ấy có đứa hỏi vặn thầy tại sao không viết là *giặt dĩa*? Thầy bảo không được vì *giặt gya* là từ kép, dê dưới (*g*) phải đi với dê dưới. May cho thầy. Cả lớp không có đứa nào biết trường hợp dê dưới đi với dê trên (*d*) của *giản dị* để đưa ra "ăn thua" với thầy.

Muốn cho *gya* giống *gia* thì chỉ việc thay một chữ, đặt cái dấu vào đúng vị trí. Có vậy thôi mà cũng không biết! Không biết thì cứ *giặt giữ* cũng được. Dù sao thì *giặt gya* (Génibrel) hay *giặt gia* (Hoàng Phê) cũng là một trường hợp... hơi phức tạp.

(Nguyễn Dữ – Chimviet.free.fr)

Câu đối tập cú

Là những câu lấy chữ sẵn ở trong sách hoặc ở tục ngữ, ca dao.
Gái có chông như rồng có vây, gái không chông như cối xay không nông.
Con có cha như nhà có nóc, con không cha như nòng nọc đứt đuôi.

(Trích từ Wikipedia)

Xứ Quảng Ngãi

Tổ tiên của người Quảng Ngãi một phần là "tội đồ" thời Lê Thánh Tông (1460-1497) bị đày vào vùng đất ngoại biên này khi dẹp loạn Chiêm Thành để làm phân giậu cho đất mẹ ở phía bắc. Hạng "tội đồ" này phần lớn là những người chống đối triều đình. Một phần khác trong số họ là binh lính đi theo các quan cai trị trấn đóng vùng đất mới chiếm của Chiêm Thành. Chẳng hạn như binh lính dưới quyền của Trấn Bắc Quận Công Bùi Tá Hán (1496- 1568). Nhóm "tội đồ", binh lính lúc nào cũng mang trong người dòng máu "phản kháng", "can cường". Dòng máu "phản kháng" đó, dòng máu "can cường" đó luôn luôn chảy trong huyết quản của người dân Quảng Ngãi.

Phải chăng dân gian có câu "Quảng Ngãi hay co" là vậy.

Theo thứ tự của thời gian

Trên đường về của người thợ săn, có kẻ gặp và hỏi: Anh đi đâu về? Theo tiếng Pháp thì đáp

lại rằng: "*Je reviens de la chasse*", dịch thuật đúng là "Tôi trở về từ sự đi săn"; nhưng theo tiếng ta, không nói như thế đâu, mà nói: "Tôi đi săn về".

Tiếng ta lấy thứ tự của thời gian làm trọng. Việc đi săn ở trước việc trở về, đi săn xong rồi mới trở về, cho nên nói "Tôi đi săn về".

(Phan Khôi - Việt ngữ nghiên cứu)

Tiếng Việt không đơn giản

Hỏi: Thường nghe các cô gái trẻ vn sang mĩ lấy chồng rồi "*lộn nài bẻ ống*"... là sao bớ bà con... Bà con cô bác ơi cứu bồ giùm đi.

Đáp: Tui bi câu này khoá mở! Hồng dấm زدđây múa bậy khiến cho phòng vắng tanh lạnh ngắt như chùa bà đĩnh. Thế là thử tra tự điển xem sao...

Lộn - Đảo ngược vị trí; biến đổi; nhầm lẫn; cãi hay cự lộn...

và thấy tự điển on-lai có thêm cái này ---> lộn chồng: Nói phụ nữ bỏ chồng về nhà cha mẹ (cũ).

Nài - Theo trong câu trên thì chắc không phải...nài nỉ, vậy thì còn:

1. Người quản tượng, người chăn voi: nài voi.
2. Vòng dây buộc giữa ách cây: vắn nài bẻ ách.

Bẻ - Cho đứt, gãy

Tự điển on-lai: Bẻ liễu: từ chữ "Chiết liễu", chỉ cảnh tiễn biệt - Ngày xưa, khi tiễn biệt nhau người ta thường bẻ cành liễu tặng nhau để tỏ lòng lưu luyến.

Ống - Vật hình trụ và dài, trong rỗng

Vắn - Xoắntheo một chiều cho các sợi bện vào nhau, cho chặt...

(Nguồn ĐatViet.com)

Chữ nghĩa trên mạng

Đọc được lời rao của tuổi "teen" trên internet:

"Tìm người đi chơi cuối tuần, đang cô đơn, cần một "ông xã" dưới 17 tuổi, biết "yêu vợ", biết uống rượu và lái xe tay ga..."

Chữ nghĩa thập niên 20

Ca – *Ca* là một lối văn vần, số chữ trong một câu, số câu trong một bài không nhất định. Trong câu thường có chữ "hề" chen vào.

Nguyên văn *Chinh phụ ngâm* bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn là làm theo lối *Trường đoản cú ca*.

(Tôn Thất Lương – Xuân mộng)

Tiếng Huế, tiếng Chàm I

Trong tiếng Huế hàng ngày, rất nhiều từ thông dụng, nói tới nói lui ngày này qua ngày khác. Nói mãi, nghe mãi nhưng không dè rằng, mấy tiếng nớ do gốc Chàm mà ra! Cũng chẳng có chi khó hiểu là từ mấy trăm năm giao lưu văn hóa ngôn ngữ Việt - Chàm kể từ khi hai châu Ô- Rí trở thành phần đất Việt Nam.

Thuận Châu-Hóa Châu là vùng đất còn giữ lại đến nay di sản ngôn ngữ người xưa để lại, đặc biệt những từ cổ Việt, tiếng Chàm. Có những chữ người mình nói, ngày xưa, ngày nay đồng bào gốc Chàm cũng nói như người mình. Không chỉ những tiếng thông thường ni mô tê rằng

rửa, rày ni mai nớ, mà còn vương víu cũng trên dưới 30-35%. Khá nhiều! Ví dụ:

1. Bờ: đồ dùng bằng tre đan như bồ lúa, bồ gạo (thúng), mà tiếng Chàm là bô-k (một đồng).
2. Chạc: sợi dây. Tiếng Huế xưa, sau 1945 ít còn thông dụng. Ví dụ: buộc chạc, đánh chạc (Chàm: chac).
(Nghệ Tĩnh: ăn chạc có nghĩa là ăn chịu, ăn không trả tiền).
3. Lò: để lộ ra ngoài có thể nhìn thấy được, xì ra, nhô ra. Ví dụ: lò đuôi chuột, lò ruột, lò rún, lò chim (Chàm: b-roi).
(Tiếng Nghệ: chạc lò, dây râu tiền, loại tiền ngày trước như tiền ăn ba, ăn sáu, ăn mười).
4. Bít: ngăn, lấp lại, chặn lại (Chàm: bít).

(Nguyên Hương - Bên lề 700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế)

Ban

Ban : đánh đất cho bằng phẳng - lúc, khi
(đánh cuộc cho ban - ban *nãy*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ "khôn" trong tiếng Việt

Ao sâu, nước cả, *khôn* chài cá
Vườn rộng, rào thưa, khó đuổi gà
(Nguyễn Khuyến)

Chữ "*khôn*" từ chữ "không" (khẳng định) mà ra nhưng mang tính chất phủ định, miễn cưỡng, âm nhẹ hơn về tâm lý trừu tượng của nhân vật chủ thể. Như "nỗi nhớ khôn nguôi", "nỗi buồn khôn tả".

(Đỗ Quang Vinh - Tiếng Việt tuyệt vời)

Ăn cơm mắm cáy....

Do câu ca dao:

Ăn cơm mắm cáy thì ngáy o...o...
Ăn cơm thịt bò thì lo ngay ngáy

Hiểu nghĩa nghèo cơ cực nhưng an phận với hiện tại, nên "ăn mắm cáy" còn sướng hơn..."ăn thịt bò".

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Nếu như em là phở,
Thì anh là nước lèo,
Đời có cuốn vèo vèo,
Ta bên nhau em nhỉ.

Địa danh miền Trung trong văn học sử

Xứ Quảng Ngãi

Năm 1471, quân Đại Việt chiếm kinh đô Chà Bàn (nay thuộc Bình Định) của Vương quốc Chàm. Tháng 6 âm lịch, thiết lập đạo thừa tuyên Quảng Nam (nay là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và thành phố Đà Nẵng).
Thời này Quảng Ngãi được gọi là Kẻ Chàm.

Năm 1527, Nguyễn Kim nổi lên chống nhà Mạc, tôn Lê Duy Ninh lên làm vua, lấy hiệu là vua Lê Trung Tông. Năm 1545, tướng của Nguyễn Kim là Bùi Tá Hán được giao nhiệm vụ trấn thủ Quảng Nam (*nay là vùng đất thuộc các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và thành phố Đà Nẵng*).

Năm 1558, Nguyễn Hoàng nhận nhiệm vụ trấn thủ Thuận Hóa. Năm 1602, trấn Quảng Nam đổi thành dinh Quảng Nam, phủ Tư Nghĩa (thuộc dinh Quảng Nam) đổi thành phủ Quảng Ngãi (*đanh xưng Quảng Ngãi lần đầu tiên xuất hiện*).

Bản đồ tỉnh Quảng Ngãi của nhà Nguyễn Việt Nam in trong *Đại Nam nhất thống chí*.

Dê...

Bà Hồ Xuân Hương có câu "Dê còn buồn sừng húc đậu thưa".
Tàu có câu "Đê dương húc phiên" nghĩa "dê đực húc giậu"

Tên Bách Việt

Chúng ta đã biết rằng hơn trăm năm sau Câu Tiễn, nước Việt bị nước Sở diệt. Sở chiếm đất Ngô Việt đến miền Chiết Giang. Từ đó người Việt xuống miền nam, giữ miền bờ biển ở Giang Nam mà thần phục nước Sở. Sử sách gọi chung những nhóm Việt tộc ở Giang Nam và Lĩnh Nam là Bách Việt, không rõ số các nhóm Việt tộc ấy là bao nhiêu.

Từ thời Chu về trước, người Việt tộc ở rải rác khắp trong miền lưu vực sông Dương Tử từ Tứ Xuyên đến biển, trước áp lực của người Hán tộc người Việt tộc phải tràn xuống miền Giang Nam và Lĩnh Nam. Tên Bách Việt được người Hán tộc dùng để chỉ những bộ lạc Việt tộc ấy từ thời Chiến Quốc. *Sử ký* chép rằng đời Chu An vương, Sở Điệu vương sai Ngô Khởi đánh dẹp Bách Việt ở miền nam. Đến sau khi nước Việt bị nước Sở diệt, thì người nước Việt ly tán xuống miền nam, họ đã gặp ở đó những người Việt tộc chiếm ở miền ấy từ xưa.

Trong các thị tộc của nước Việt, có những thị tộc dùng thuyền mà xuống miền Phúc Kiến, Quảng Đông và Bắc bộ, hoặc (đi đường bộ) qua dãy núi Nam Lĩnh mà sang Quảng Đông, Quảng Tây. Ở miền nam, các tù trưởng gặp được những người Việt tộc cũ. Một số tù trưởng tập hợp người mới và người cũ thành từng bộ lạc tự xưng vương. Một số bộ lạc ở lại miền Chiết Giang hẳn là phải thần phục nước Sở, song những bộ lạc ở xa tại miền Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây và Bắc bộ thì hẳn là không có quan hệ với nước Sở. Mặc dầu từ đầu thế kỷ thứ IV nước Sở đã sai Ngô Khởi đi bình Bách Việt, phạm vi thống trị của Sở chỉ đến phía nam các đất Hồ Nam và Giang Tây mà thôi.

Chúng ta biết rằng các nước Việt tộc ở lưu vực sông Dương Tử là Sở, Ngô, Việt đã dần dần đồng hóa theo văn hóa Hán tộc. Ở phía Tứ Xuyên thì sau khi nước Tần chinh phục được nước Thục và nước Ba, người Việt tộc ở miền ấy cũng bị hấp thu vào văn hóa Trung Nguyên. Đến thời Chiến Quốc thì chỉ đất Bách Việt còn ở ngoài phạm vi ảnh hưởng của Hán tộc.

(Đào Duy Anh - Lịch sử cổ đại Việt Nam)

Lính khổ thời Tây

- Lính khổ lục : Lính canh ở những tỉnh xép, phủ, huyện.
- Lính khổ xanh : Lính đóng ở đồn, bót.
- Lính khổ đỏ : Lính chiến đấu, được thực dân Pháp ưu đãi hơn lính khổ lục, lính khổ xanh.

(Vũ Ngọc Phan – Hồi ký những năm tháng ấy)